TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 143/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi ĐKHKTT: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Cư trú tại: khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1973.

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 ông Trương Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày: Bà và ông Trương Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh

Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn là do ông Đ không chung thủy, có quan hệ bất chính với người khác vợ chồng không còn chung sống khoảng hai năm nay. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc do không còn tình cảm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Trương Văn Đ. Bà và ông Đ có một người con chung tên Trương Chí T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017, con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 11 tháng 11 năm 2019 ông Trương Văn Đ trình bày: ông và bà Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà Q yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q. Về con chung, có một người con chung tên Trương Chí T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017, sau khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q, cho bà Q ly hôn với ông Đ, giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà ông Trương văn Đ, yêu cầu giao được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Văn Đ là bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trương Văn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Q và ông Trương Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa bà Q và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà Q giữ yêu cầu ly hôn với ông Đ vì cho rằng trong cuộc sống hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và bà không còn thương yêu ông Đ. Tại bản tự khai ngày 11 tháng 11 năm 2019 ông Đ đồng ý ly hôn với bà Q. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Lê Thị Q về việc yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn Đ.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Q và ông Đ có một người con chung tên Trương Chí T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017 đang do bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 11 tháng 11 năm 2019 ông Đ đồng ý giao con chung cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Q và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Q và ông Đ, giao người con chung tên Trương Chí T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017 cho bà Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà Q yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung mối tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 11 tháng 11 năm 2019 ông Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Q và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Q và ông Đ. Ông Trương Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Chí T, sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017 mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[6] Về tài sản chung, nợ chung bà Lê Thị Q và ông Trương Văn Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị như nêu trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Q phải chịu 300.000đ, bà Q đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí; ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Q và ông Trương Văn Đ.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trương Chí T (giới tính nam), sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017 cho bà Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trương Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trương Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trương Chí T (giới tính nam), sinh ngày 12 tháng 7 năm 2017 mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019602 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà Q đã nộp đủ án phí. Ông Trương Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm, bà Lê Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều